

Số: 57 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 07 tháng 4 năm 2014

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

Thực hiện Công văn số 1487/VPCP-TKBT ngày 07/3/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc chuẩn bị báo cáo phục vụ Đại hội XII của Đảng;

UBND tỉnh Bình Phước báo cáo cụ thể như sau:

A. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu

1. Kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, các ngành, lĩnh vực đều phát triển ổn định, GRDP bình quân đầu người của tỉnh tương đương với bình quân chung của cả nước, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng.

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP giá so sánh 1994) bình quân mỗi năm thời kỳ 2011-2015 tăng 10,85% (mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đề ra tăng bình quân 13-14%/năm).

GRDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 51 triệu đồng (tương đương 2.370 USD) (mục tiêu Nghị quyết của tỉnh đề ra đến năm 2015 đạt 38-40 triệu đồng tương đương 1.900 - 2.000 USD).

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng khu vực công nghiệp, dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, năm 2010 ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 43,16%, công nghiệp - xây dựng 25,86%, dịch vụ 30,98% thì đến năm 2015 ước cơ cấu kinh tế như sau: ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỷ trọng 34,08%, công nghiệp - xây dựng 31,15%, dịch vụ 34,77% (mục tiêu Nghị quyết của tỉnh đề ra đến năm 2015 tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản là 33%, công nghiệp - xây dựng 35% và dịch vụ là 32%).

2. Quan hệ kinh tế đối ngoại, thị trường và mặt hàng xuất, nhập khẩu được mở rộng hơn so với giai đoạn trước.

Ước đến năm 2015 kim ngạch xuất khẩu thực hiện khoảng 01 tỷ USD (đạt so với chỉ tiêu Nghị quyết của tỉnh đề ra), tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm

khoảng 13,5%. Kim ngạch nhập khẩu ước đến năm 2015 thực hiện 200 triệu USD. (mục tiêu Nghị quyết của tỉnh đề ra là đến năm 2015 đạt 500 triệu USD).

3. Thu ngân sách nhà nước cơ bản đáp ứng kế hoạch đề ra hàng năm, đảm bảo khá tốt các nhiệm vụ chi ở địa phương; công tác quản lý thuế đã được nâng lên đáng kể và tiếp tục đổi mới.

Ước đến năm 2015 thu ngân sách nhà nước đạt 4.500 tỷ đồng (mục tiêu Nghị quyết của tỉnh đề ra thu ngân sách đến năm 2015 đạt khoảng 4.000 tỷ đồng).

Chi ngân sách ước đến năm 2015 đạt khoảng 6.500 tỷ đồng (mục tiêu Nghị quyết của tỉnh đề ra đến năm 2015 chi ngân sách đạt khoảng 4.900 tỷ đồng).

4. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt kết quả khả quan, góp phần vào sự phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước thực hiện 5 năm 2011-2015 đạt khoảng 74.700 tỷ đồng (mục tiêu Nghị quyết đề ra trong giai đoạn 2011-2015 huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 55.000-55.500 tỷ đồng).

5. Cùng với việc phát triển nhanh diện tích trồng cây lâu năm, kết hợp với tăng cường công tác khoanh nuôi, bảo vệ diện tích rừng tự nhiên và đảm bảo diện tích trồng mới rừng theo kế hoạch đã nâng tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm vượt so với mục tiêu đề ra.

Ước đến năm 2015 tỷ lệ che phủ rừng chung toàn tỉnh đạt 65,75% (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra đến năm 2015 là 60%).

6. Hầu hết các lĩnh vực văn hóa, xã hội đều đáp ứng cơ bản mục tiêu so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đề ra.

Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm ước đạt 1,36% (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra trong giai đoạn là 1,7%); số giường bệnh/vạn dân đến năm 2015 ước đạt 24 giường bệnh (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra đến năm 2015 là 25 giường bệnh/vạn dân); số bác sỹ/vạn dân đến năm 2015 ước đạt 7 bác sỹ (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra đến năm 2015 là 8 bác sỹ/vạn dân); tỷ lệ xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế ước đến năm 2015 đạt 100% (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra đến năm 2015 là 100%); tỷ lệ giảm nghèo bình quân hàng năm 1,2% (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra là 1,3%); lao động được giải quyết việc làm ước thực hiện cả giai đoạn 2011-2015 là 165 ngàn người (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra là 151 ngàn người); đào tạo nghề ước thực hiện cả giai đoạn 2011-2015 là 38.000 người (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra là 30.000 người); tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh ước thực hiện đến năm 2015 là 90% (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra là 90%); ước đến năm 2015 nâng tỷ lệ số hộ sử dụng điện lên 98% (mục tiêu Nghị quyết của tỉnh đến năm 2015 tỷ lệ hộ sử dụng điện là 95%); tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,5% (mục tiêu Nghị quyết tỉnh đề ra là 3,5%).

Nhìn chung những chỉ tiêu nền tảng về kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường đều cơ bản đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã đề ra trong giai đoạn 2011-2015, đặc biệt là bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng, kiềm chế lạm phát, ổn định các cân đối lớn và thực hiện có hiệu quả các chính sách về an sinh xã hội, đây là tiền đề thuận lợi để tiếp tục thực hiện các mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo 2016-2020.

Đạt được những kết quả nêu trên, các cấp, các ngành đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã đề ra, gắn kết với các nhóm giải pháp điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách hàng năm theo Nghị quyết của Chính phủ như: tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp của tỉnh theo hướng bền vững, hiệu quả, hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, sản xuất hàng hóa có khả năng cạnh tranh trên cơ sở phát huy lợi thế về đất đai, nguồn lao động, tập trung chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành, triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; thực hiện rà soát, tổ chức quy hoạch các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế của tỉnh, sửa đổi, bổ sung chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư, rà soát các dự án đầu tư hạ tầng, đầu tư sản xuất công nghiệp, tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến, thu hút đầu tư. Tập trung chỉ đạo, khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao như ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, viễn thông..., hình thành các khu thương mại tại các khu vực đô thị, phát triển thị trường tiêu thụ đến các vùng sâu, vùng xa, triển khai các bước quy hoạch, đầu tư khai thác các khu du lịch trọng điểm của tỉnh. Phát triển thêm một số mặt hàng xuất khẩu bên cạnh các mặt hàng chủ lực của tỉnh, thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng đến 46 quốc gia và vùng lãnh thổ. Thực hiện tốt các chính sách về thuế, các nguồn thu ngân sách được quản lý và khai thác hợp lý, hiệu quả, việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giữ nghiêm kỷ luật tài chính được triển khai đến từng cấp ngân sách, hoạt động tín dụng đã đáp ứng được nhu cầu vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh. Nguồn vốn đầu tư từng bước được bố trí tập trung, sử dụng hiệu quả hơn, các công trình trọng điểm như giao thông, thủy lợi, điện, trường học, bệnh viện... luôn được quan tâm chỉ đạo và bố trí vốn, đã đa dạng các hình thức đầu tư và huy động khá tốt nguồn vốn đầu tư phát triển ngoài ngân sách nhà nước.

II. Những hạn chế, khó khăn, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

1. Hạn chế, khó khăn

(1) Tăng trưởng kinh tế chưa phát huy hết tiềm năng, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao, phát triển thiếu tính bền vững.

(2) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, cơ cấu còn lạc hậu so với cơ cấu kinh tế của cả vùng Đông Nam bộ và cả nước; ngành công nghiệp chưa có bước phát triển đột phá, nhịp độ tăng trưởng chậm lại so với giai đoạn trước; sản xuất nông nghiệp vẫn còn một số khó khăn nhất định.

(3) Xuất khẩu chưa nâng cao được chất lượng, giá trị, chủ yếu tăng về số

lượng, thị trường thiếu ổn định.

(4) Cơ cấu nguồn thu thiếu tính vững chắc, nợ đọng thuế ngày càng cao; chi ngân sách có lúc, có nơi chưa thực hiện đúng quy định, nhất là các khoản chi ngoài dự toán.

(5) Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thấp so với nhu cầu; việc huy động nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi xã hội còn nhiều hạn chế.

(6) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính còn một số bất cập.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

- Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX bên cạnh những thuận lợi cơ bản là những khó khăn, thách thức mới phát sinh làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế và tác động không nhỏ đến đời sống nhân dân như: Kinh tế của tỉnh vừa phục hồi sau ảnh hưởng lớn của suy thoái kinh tế toàn cầu và suy giảm kinh tế trong nước thì phải đương đầu với tình trạng lạm phát cao trong nước kéo dài, giá cả thị trường thiếu ổn định, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu toàn cầu ngày càng rõ nét gây ra khô hạn kéo dài ở mức độ cao qua hàng năm, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi phát sinh ngày càng phức tạp....

- Huy động vốn đầu tư từ trái phiếu của Chính phủ, thu ngân sách quốc gia còn một số khó khăn đã ảnh hưởng nhất định đến việc tăng cân đối vốn đầu tư phát triển cho địa phương.

- Một số chính sách, chế độ như đầu tư công chậm được ban hành, chính sách về đất đai sửa đổi, bổ sung chưa kịp thời, định mức đầu tư cho các chương trình, đề án quan trọng còn thấp, chậm thay đổi so với điều kiện thực tế hiện nay.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Quy mô kinh tế của tỉnh tuy đã đạt được những kết quả đáng kể nhưng vẫn còn ở mức thấp so với các tỉnh trong vùng, khả năng ứng phó trước những tác động tiêu cực, khó khăn bởi yếu tố khách quan còn hạn chế.

- Ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế, chuyên dịch cơ cấu nội bộ không lớn, giá cả mặt hàng nông sản không ổn định, lên xuống thất thường làm ảnh hưởng giá trị sản xuất toàn ngành. Các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất sạch, sản xuất theo tiêu chuẩn GAP còn nhỏ lẻ, thu nhập trên 01 ha diện tích chưa cao. Chương trình nông thôn mới còn lúng túng trong quá trình triển khai.

- Ngành công nghiệp chậm đổi mới công nghệ, chủ yếu vẫn là sản xuất sơ chế, gia công trên cơ sở công nghệ lạc hậu; chưa có những nhà máy, xí nghiệp mới với quy mô lớn tạo bước đột phá cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Đầu tư phát triển các khu, cụm công nghiệp thiếu đồng bộ, bài bản; năng lực các nhà đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp phần lớn là yếu kém; nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, lợi thế so sánh thấp so với các tỉnh, thành trong khu vực nên thu hút đầu tư chưa có chuyển biến lớn. Sản xuất ở một số ngành bị thu hẹp do thiếu vốn, khả năng tiếp cận vốn tín dụng hạn chế, thị trường, hàng hóa tồn kho lớn không tiêu thụ được để tái sản xuất, số doanh nghiệp giải thể, ngưng hoạt động gia tăng.

- Chất lượng các sản phẩm xuất khẩu chưa được cải thiện, chủ yếu là xuất khẩu hàng hóa dạng thô, thiếu sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Thị trường xuất khẩu thiếu ổn định, phụ thuộc quá lớn vào thị trường Trung Quốc. Việc đăng ký chất lượng, nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức.

- Một số nguồn thu có cơ cấu lớn như thu từ doanh nghiệp nhà nước (chiếm tỷ trọng 27,86% trong tổng nguồn thu) chủ yếu là ngành sản xuất mù cao su nên phụ thuộc rất lớn vào giá cả hàng hóa (hiện nay giá đang giảm mạnh) nên ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu ngân sách. Cơ cấu nguồn thu thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh thấp (chiếm tỷ trọng 25,08%), tỷ lệ tăng hàng năm chậm.

- Khả năng huy động các nguồn lực trong dân và trong cộng đồng doanh nghiệp ngoài quốc doanh thấp đã làm ảnh hưởng đến nhu cầu đầu tư hạ tầng và thực hiện chủ trương xã hội hóa. Ngân sách địa phương dành cho đầu tư thông qua các khoản vượt thu chưa cao. Việc đề ra các giải pháp huy động vốn chưa khả thi. Chưa thực hiện tốt việc quy hoạch đất đai dành cho việc xã hội hóa đầu tư.

- Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư có lúc còn thiếu nhất quán. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính giữa các sở, ngành có lúc chưa được đồng bộ, vẫn còn gây phiền hà cho doanh nghiệp và người dân khi lập các thủ tục về đất đai, giấy phép xây dựng....

3. Bài học kinh nghiệm

(1) Quán triệt sâu sắc, toàn diện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh phải được coi là điều kiện then chốt, xuyên suốt để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ. Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện phải thể hiện được tính nhất quán, thống nhất giữa chủ trương và hành động.

(2) Phải rà soát, kịp thời chuyển đổi mô hình tăng trưởng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu; gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa xã hội, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển toàn diện con người, bảo vệ môi trường; giải quyết tốt mối quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; phát triển trong giai đoạn này phải tạo tiền đề cho sự phát triển vững chắc trong giai đoạn sau.

(3) Từng ngành, từng địa phương phải xây dựng những biện pháp cụ thể, phù hợp với định hướng chung và tình hình thực tế, trong đó phải có những giải pháp

mang tính đột phá nhằm giải quyết cho được những hạn chế, yếu kém đã tồn tại nhiều năm. Tổ chức thực hiện tốt, hiệu quả, đồng bộ các giải pháp, biện pháp đã đề ra với tinh thần phấn đấu cao nhất.

(4) Tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ hơn nữa trên tất cả các lĩnh vực. Phát huy cao độ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội, các đoàn thể trong vận động quần chúng.

(5) Xây dựng niềm tin vững chắc của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước. Các chủ trương, định hướng khi tổ chức thực hiện phải được sự nhất trí, đồng thuận cao của toàn thể nhân dân.

B. Phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

I. Định hướng phát triển

Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý và phát triển bền vững, chú trọng nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng để đến năm 2020 đưa tỉnh Bình Phước cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại. Bảo đảm tốt an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Củng cố, đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

II. Các mục tiêu chủ yếu

1. Kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm là 12-13%, đến năm 2020 thu nhập bình quân đầu người ước đạt 86,2 triệu đồng (tương đương 3.740 USD). Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng tăng tỷ trọng của 2 khu vực công nghiệp, dịch vụ trên 75%.

- Thu ngân sách tăng bình quân hàng năm 10%, đến năm 2020 thu ngân sách ước đạt 7.200 tỷ đồng.

- Chi ngân sách tăng bình quân hàng năm 10%, đến năm 2020 chi ngân sách ước đạt 10.400 tỷ đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm 15%, đến năm 2020 ước đạt 2 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu đến năm 2020 ước đạt 400 triệu USD.

- Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước giai đoạn 2016-2020 ước đạt 98.500 - 100.000 tỷ đồng.

2. Văn hóa, xã hội, môi trường:

- Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm ước đạt 1,3%;

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia (các bậc học) đến năm 2020 đạt 35-40%;

- Số giường bệnh/vạn dân đến năm 2020 ước đạt 30 giường bệnh/vạn dân;

- Số bác sỹ/vạn dân đến năm 2020 ước đạt 10 bác sỹ/vạn dân;
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2020 còn khoảng 2%;
- Lao động được giải quyết việc làm giai đoạn 2016-2020 là 200.000 người;
- Đào tạo nghề cả giai đoạn 2011-2015 là 45.000 người;
- Tỷ lệ dân số sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 là 95%;
- Tỷ lệ số hộ sử dụng điện đến năm 2020 là 99%;
- Tỷ lệ che phủ rừng chung toàn tỉnh đến năm 2020 ước đạt 68-70%.

III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

1. Về phát triển kinh tế

a) Tiếp tục thực hiện đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế gắn với nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh. Xây dựng và triển khai thực hiện tốt các giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện thực tế và tiềm năng, lợi thế so sánh của địa phương.

b) Về phát triển nông nghiệp: Giữ vững tốc độ tăng trưởng toàn ngành, tăng cường thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, nâng cao mức thu nhập trên một đơn vị diện tích sản xuất. Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, công nghiệp, đảm bảo an toàn dịch bệnh trên vật nuôi tạo sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Thực hiện tốt các biện pháp nhằm giảm nhẹ thiên tai trong sản xuất nông nghiệp.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng hiện có, tập trung bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.... Tiếp tục triển khai công tác trồng rừng, cây đa mục đích để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng chung của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, gắn chặt với đời sống và thu nhập của người dân.

c) Về phát triển công nghiệp: Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất trong các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch trên cơ sở đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp của giai đoạn trước để rút ra bài học kinh nghiệm và xây dựng các giải pháp phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách về thu hút, khuyến khích đầu tư. Tăng cường hợp tác đầu tư với các tỉnh bạn, hợp tác quốc tế và đẩy mạnh công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư. Có chính sách đưa khoa học và công nghệ mới vào sản xuất công nghiệp.

d) Về phát triển dịch vụ: Đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa, xây dựng các chợ đầu mối nông sản tiến tới hình thành sàn giao dịch nông sản chủ lực của tỉnh. Tạo điều kiện phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ có giá trị gia tăng cao như: bảo hiểm, ngân hàng, tư vấn, viễn thông.... Củng cố các thị trường xuất khẩu truyền thống và tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy

mạnh xuất khẩu cả về lượng và chất các sản phẩm chủ lực của tỉnh, hạn chế tối đa nhập khẩu hàng tiêu dùng trong nước sản xuất được. Tiếp tục đầu tư các khu du lịch trọng điểm của tỉnh, trong đó chú trọng huy động vốn xã hội hóa. Tăng cường công tác quản lý giá cả, quản lý thị trường.

e) Về huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển: Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phát huy cao các nguồn nội lực đồng thời tạo mọi điều kiện để tranh thủ khai thác các yếu tố, nguồn vốn từ bên ngoài. Thực hiện chủ trương tiết kiệm để tăng vốn đầu tư phát triển, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN thông qua tăng cường công tác quản lý, giám sát, đánh giá đầu tư, thanh tra, kiểm tra trong xây dựng cơ bản.

Triển khai thực hiện các chính sách kịp thời, đồng bộ nhằm tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, huy động tổng lực các nguồn lực trong nhân dân, khai thác hợp lý, tối ưu các nguồn vốn để phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để huy động nguồn lực xã hội hóa của các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, y tế, giáo dục, du lịch, văn hóa, thể dục thể thao, nông nghiệp, nông thôn...

g) Về tài chính, tiền tệ: Xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước với cơ cấu hợp lý và huy động tốt các khoản thu qua hệ thống thuế. Tăng cường quản lý, kiểm soát chặt chẽ ngân sách nhà nước. Thực hiện hiệu quả chính sách tiền tệ bảo đảm cung ứng vốn cho phát triển kinh tế. Phát triển và lành mạnh hóa thị trường tiền tệ.

2. Về phát triển xã hội

a) Tiếp tục tập trung thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách đã ban hành về an sinh xã hội và giảm nghèo nhất là chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất... Tăng cường tạo việc làm mới, giải quyết việc làm, dạy nghề cho lao động nông thôn và xuất khẩu lao động, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Phân đầu từng bước giảm dần khoảng cách về thu nhập và đời sống giữa vùng nông thôn và đô thị. Nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác xóa đói, giảm nghèo.

b) Củng cố và nâng cao hơn nữa hiệu quả mạng lưới y tế dự phòng, y tế cơ sở đồng thời với việc tập trung đầu tư phát triển cơ sở vật chất, đội ngũ y, bác sỹ. Thực hiện đồng bộ các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh. Tiếp tục thực hiện các biện pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm toàn dân. Nâng cao hiệu quả công tác thông tin giáo dục sức khỏe. Chú trọng công tác xã hội hóa trong lĩnh vực khám chữa bệnh.

c) Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục và Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khóa XI. Đẩy mạnh xã hội học tập. Củng cố và nâng cao chất lượng dạy và học trên các cấp học và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục đi đôi với việc đổi mới phương pháp dạy và học. Tiếp tục thực hiện Quy hoạch phát triển

nguồn nhân lực. Tăng cường đầu tư phát triển hệ thống dạy nghề cả về quy mô, chất lượng nhằm theo kịp nhu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư trong giáo dục, đào tạo.

d) Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ. Tập trung đổi mới công tác nghiên cứu khoa học nhất là các nghiên cứu có tính ứng dụng cao, phát huy hiệu quả tốt sau chuyển giao và phù hợp với tiến trình công nghiệp hóa của địa phương. Tăng cường công tác đăng ký sở hữu trí tuệ và đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu sản phẩm.

e) Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tăng cường thông tin chính thức kịp thời về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh truyền hình. Tiếp tục củng cố và xây dựng đời sống văn hóa ở các khu dân cư.

g) Tập trung thực hiện các mục tiêu vì quyền trẻ em, phát triển toàn diện cho thanh thiếu niên, bình đẳng giới. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc. Giải quyết tốt, hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc.

3. Về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, sự biến động khí hậu bất lợi đối với sản xuất và con người, ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra. Tiếp tục thực hiện khung hướng dẫn ưu tiên đầu tư ứng phó biến đổi khí hậu.

Sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về gìn giữ, bảo vệ môi trường.

4. Về cải cách thủ tục hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; khiếu nại tố cáo

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án đơn giản hóa thủ tục hành chính, Đề án cải cách chế độ công vụ, công chức, Đề án tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020.

Tăng cường các biện pháp để phòng, phát hiện, xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, hạn chế tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp.

5. Về công tác đối ngoại, quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội

Tăng cường thực hiện tốt đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực từ bên ngoài cho mục tiêu phát triển.

Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội đặc biệt là các khu vực trọng điểm, khu vực biên giới, tạo môi trường hòa bình, chính trị ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội.

Trên đây báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2011-2015 và phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020. UBND tỉnh Bình Phước báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp, báo cáo Chính phủ/.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, PCT;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- LĐVP, Phòng KTTH;
- Lưu : VT. (Thg-01/4) 6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trầm